

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ: CÁCH TIẾP CẬN TỔNG NĂNG SUẤT CÁC YẾU TỐ

Đặng Hoàng Thống¹ và Võ Thành Danh²

ABSTRACT

The paper aims to evaluate the role of capital, labor, and productivity in the economic growth of Cantho city based on the total factor productivity approach. Especially, it would like to analyze their contributions during the period of before-and-after of former Cantho province. Using the accounting method in estimating the share of labor and capital in the total income, results showed that capital was the main factor while labor and total factor productivity played a very limited role in economic growth of former Cantho city. However, after the period of province splitting the total factor productivity contributed increasingly in the economic growth of Cantho city.

Keywords: *economic growth, total factor productivity*

Title: *Analysis of factors affecting to the economic growth of Can Tho city: The total factor productivity approach*

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài viết là phân tích ảnh hưởng của vốn, lao động, và năng suất lao động đến sự tăng trưởng của Thành phố Cần Thơ dựa trên cách tiếp cận tổng năng suất các yếu tố. Đặc biệt, bài viết làm rõ ảnh hưởng của các yếu tố này trong giai đoạn trước và sau khi tách tỉnh Cần Thơ (cũ). Bằng cách sử dụng phương pháp hạch toán để xác định tỷ phần vốn và lao động trong nền kinh tế, kết quả chỉ ra rằng vốn là yếu tố chủ yếu, trong khi lao động và năng suất lao động (tổng năng suất các yếu tố) đóng góp rất ít, cho tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, giai đoạn sau khi tách tỉnh tăng trưởng cao của Thành phố Cần Thơ có được là do năng suất lao động đóng góp ngày càng nhiều hơn.

Từ khóa: *tăng trưởng kinh tế, tổng năng suất các yếu tố*

1 GIỚI THIỆU CHUNG

Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam theo chiều rộng hay chiều sâu đã được nhiều người đề cập đến. Một số ý kiến ủng hộ quan điểm tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng cho rằng Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển cần tích lũy vốn nhiều hơn nữa để phục vụ cho quá trình tăng trưởng trong tương lai. Ý kiến ủng hộ Việt Nam nên chú ý tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu vì lẽ chỉ có tăng trưởng theo chiều sâu mới có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn. Một số ý kiến lại cho rằng chúng ta cần phải vừa chú trọng tích lũy các yếu tố sản xuất, vừa chú trọng đến vấn đề cải tiến trình độ công nghệ, trình độ quản lý,... nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa nguồn lực xã hội. Trong bối cảnh có nhiều quan điểm phát triển khác nhau như thế, việc lựa chọn các giải pháp chính sách cho mục

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

² Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

tiêu tăng trưởng cần được tính toán cân nhắc. Đối với Thành phố Cần Thơ, trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nơi có nguồn lực quan trọng là tài nguyên thiên nhiên, những giải pháp phát triển cần phù hợp nhằm sử dụng phối hợp các nguồn lực đạt hiệu quả cao. Vì vậy, việc phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ sẽ góp phần đề xuất chính sách cho vấn đề sử dụng hiệu quả các nguồn lực đảm bảo mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu tổng quát là phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ. Các mục tiêu cụ thể là:

- Phân tích thực trạng tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ trong giai đoạn 2000-2007.
- Phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ.
- Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì tăng trưởng dài hạn.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp luận

Năng suất được định nghĩa là lượng đầu ra trên một đơn vị đầu vào được sử dụng. Có hai cách đo lường chỉ tiêu năng suất: (1) dựa trên năng suất riêng lẻ của từng yếu tố lao động và vốn, và (2) dựa trên tổng năng suất yếu tố (TFP), tính gộp tổng năng suất của tất cả các yếu tố trên. Bài viết này sử dụng định nghĩa năng suất theo cách thứ hai này. Theo định nghĩa, TFP là quan hệ giữa đầu ra với tổng hợp các đầu vào, bao gồm cả các yếu tố không định lượng được như quản lý, khoa học công nghệ,... Chẳng hạn, khi hàm sản xuất chỉ có hai yếu tố vốn (K) và lao động (L) theo dạng: $Y_t = A_t \cdot f(K_t, L_t)$ thì A_t trong Mô hình này chính là TFP. Chỉ tiêu TFP phản ánh hiệu quả của các nguồn lực được sử dụng trong quá trình sản xuất. Ngoài ra, TFP còn phản ánh hiệu quả do thay đổi công nghệ, trình độ tay nghề của công nhân, trình độ quản lý,...

Giả thiết rằng hàm sản xuất dạng Cobb-Douglass là hàm số liên tục theo thời gian và được biểu diễn như sau:

$$\frac{dY}{dt} = \frac{dA_t}{dt} F(L_t, K_t) + A_t \frac{dF}{dt} = \frac{dA_t}{dt} F(L_t, K_t) + A_t \frac{dF}{dL_t} \frac{dL_t}{dt} + A_t \frac{dF}{dK_t} \frac{dK_t}{dt}$$

Chia hai vế của phương trình trên cho Y và sau phép biến đổi ta có:

$$\frac{dY_t}{dt} \frac{1}{Y_t} = \frac{dA_t}{dt} \frac{1}{A_t} + \left(\frac{dY_t}{dL_t} \frac{L_t}{Y_t} \right) \frac{dL_t}{dt} \frac{1}{L_t} + \left(\frac{dY_t}{dK_t} \frac{K_t}{Y_t} \right) \frac{dK_t}{dt} \frac{1}{K_t}$$

Dưới dạng rút gọn, ta có:

$$G(Y) = G(A) + MPL\left(\frac{L}{Y}\right)G(L) + MPK\left(\frac{K}{Y}\right)G(K)$$

Trong đó:

$G(Y)$ tốc độ tăng của sản lượng (Y).

$G(L)$ tốc độ tăng của lao động (L).

$G(K)$ tốc độ tăng của vốn (K).

$MP_L = dY/dL$ và $MP_K = dY/dK$ là năng suất biên tương ứng của yếu tố lao động và vốn.

Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, tỷ lệ sinh lợi của vốn sẽ bằng năng suất biên của vốn (MP_K), còn tiền lương của lao động sẽ bằng năng suất biên của lao động (MP_L). Trong trường hợp này $MP_K(K/Y)$ và $MP_L(L/Y)$ sẽ lần lượt là tỷ lệ đóng góp của vốn và lao động trong giá trị sản xuất. Mô hình trên được viết lại dưới dạng:

$$G(Y) = G(A) + \alpha G(L) + (1 - \alpha)G(K)$$

Trong đó

$$\alpha = MP_L(L/Y) \text{ và } 1 - \alpha = MP_K(K/Y).$$

Từ đó, tốc độ tăng của năng suất các yếu tố tổng hợp ($G(A)$ hay $G(TFP)$) được tính như sau:

$$G(TFP) = G(Y) - \{\alpha G(L) + (1 - \alpha)G(K)\}$$

Sau khi tính được tốc độ tăng của từng yếu tố lao động $G(L)$ và vốn $G(K)$, chúng ta sẽ xác định được đóng góp của chúng vào tốc độ tăng của GDP như sau:

$$\text{Đóng góp của TFP} = G(TFP)/G(Y)$$

$$\text{Đóng góp của lao động} = \alpha.G(L)/G(Y)$$

$$\text{Đóng góp của vốn} = (1 - \alpha).G(K)/G(Y)$$

3.2 Dữ liệu và các giả định tính toán

Mô hình phân tích tăng trưởng trình bày ở trên yêu cầu dữ liệu về GDP, K, L và tỷ phần thu nhập của K, L. Dữ liệu từ các nguồn thống kê chính thức sẽ được sử dụng cho phân tích nguồn gốc tăng trưởng của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2000-2007. Dữ liệu trong nghiên cứu này được thu thập chủ yếu từ Cục thống kê Thành phố Cần Thơ. Số liệu về dân số và lao động được thu thập từ báo cáo của Sở Lao động-Thương binh-Xã hội, Số liệu về vốn đầu tư được thu thập từ Sở Kế hoạch-Đầu tư.

Yếu tố vốn (K). Vốn được sử dụng trong phân tích là trữ lượng vốn (chứ không phải là vốn đầu tư, vốn tích lũy hay tài sản cố định). Khi nói rằng tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào vốn, cần chú ý đến các định nghĩa cơ bản về vốn (capital stock) và đầu tư (investment) vì hiện nay ở Việt Nam không có cả hai chỉ tiêu này. Nghiên cứu này sử dụng chỉ tiêu trữ lượng vốn vì đây là chỉ tiêu thể hiện lượng

vốn được sử dụng thực tế trong nền kinh tế (do chỉ tiêu này đề cập đến tỷ lệ khấu hao tài sản).

Yếu tố lao động (L). Lao động sử dụng trong nghiên cứu là số lao động đang làm việc trong nền kinh tế.

Tổng sản lượng Y. Sản lượng Y trong nghiên cứu là tổng giá trị tăng thêm (giá cố định).

Tỷ phần thu nhập yếu tố. Các ước lượng về tỷ phần thu nhập của vốn và lao động được tính theo phương pháp hạch toán, gắn liền với giả định hiệu quả theo quy mô không đổi. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng kết quả có sẵn về tỷ phần thu nhập của vốn từ nghiên cứu của Trần Thọ Đạt (2005).

4 TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Hiện nay ở Việt Nam có khá nhiều nghiên cứu về đóng góp của các yếu tố sản xuất TFP đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Điển hình như các nghiên cứu của Nguyễn Xuân Thành (2002), Trần Thọ Đạt (2004), Lê Xuân Bá *et al.* (2006), Cù Chí Lợi (2008), Nguyễn Thị Cảnh (2009),... Tuy nhiên, do sử dụng các phương pháp khác nhau nên các kết quả TFP là khác nhau ở các nghiên cứu này.

Nguyễn Xuân Thành (2002) sử dụng phương pháp hạch toán tăng trưởng để tính toán đóng góp của vốn (đo lường bằng trữ lượng vốn trong nền kinh tế với tỷ lệ khấu hao là 3%), lao động (đo lường bằng số lượng lao động đang làm việc trong nền kinh tế) và tổng năng suất yếu tố (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GDP. Nghiên cứu cho thấy đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GDP của Việt Nam là vốn.

Nghiên cứu của Trần Thọ Đạt (2005) cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 1986-2004 (trừ năm 2003) có sự đóng góp khá cao của yếu tố TFP.

Lê Xuân Bá *et al.* (2006) sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas cho nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 1990-2004 cho thấy hơn 90% tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế được giải thích bởi sự đóng góp của yếu tố vốn, vốn con người và số lượng lao động. TFP chỉ đóng góp dưới 10% tốc độ tăng trưởng trong cả giai đoạn. Ưu điểm của nghiên cứu này là đã đưa yếu tố vốn con người vào phân tích tăng trưởng. Việc đo lường mức độ đóng góp của yếu tố vốn con người sẽ cho một cái nhìn tốt hơn về các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, việc đưa yếu tố này vào mô hình tính toán tăng trưởng sẽ làm giảm sự đóng góp của tổng năng suất yếu tố TFP.

Cù Chí Lợi (2008) đã sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để xem xét mối tương quan giữa gia tăng về vốn, lao động và tăng trưởng đầu ra. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy vai trò của yếu tố tổng năng suất yếu tố trong tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn vừa qua là khá thấp (khoảng 6% giai đoạn 1990-2006 và 9,6% giai đoạn 2001-2006). Và việc gia tăng về vốn và lao động là những động lực chủ yếu đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Ưu điểm của nghiên cứu trên là đã bóc tách được một cách tương đối sự đóng góp của các yếu tố sản xuất vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn vừa qua. Một nhược điểm của nghiên cứu này là sử dụng yếu tố vốn là tổng vốn đầu tư của nền kinh tế (do đó bỏ qua tỷ

lệ khấu hao) nên yếu tố K không thể hiện đúng vai trò của nó là trữ lượng vốn của nền kinh tế.

Nguyễn Thị Cảnh (2009) đã xác định tỷ phần thu nhập của vốn và lao động thông qua ước lượng hệ số mũ của hàm sản xuất Cobb-Douglas. Kết quả tính toán cho thấy trong 1% tăng lên của GDP thì đóng góp của vốn là 73%, của lao động là 2,5% và của tổng năng suất yếu tố là 24,5%.

Khi so sánh kết quả nghiên cứu của hai tác giả Trần Thọ Đạt và Nguyễn Xuân Thành ta thấy có sự khác nhau khá lớn về đóng góp của TFP vào tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn 1986-2000. Cụ thể là đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP trong nghiên cứu của Trần Thọ Đạt luôn cao hơn cách tính toán của Nguyễn Xuân Thành. Lý do có thể hiểu là do cách lựa chọn các chỉ tiêu đo lường cho K trong hàm sản xuất Cobb-Douglas là khác nhau. Nếu như nghiên cứu của Nguyễn Xuân Thành sử dụng trữ lượng vốn để đại diện cho yếu tố K với tỷ lệ khấu hao là 3% thì Trần Thọ Đạt sử dụng chỉ tiêu tài sản tích lũy với tỷ lệ khấu hao là 5%. Điều này dẫn đến tốc độ tăng trưởng cũng như đóng góp của vốn vào tăng trưởng GDP là khác nhau ở hai nghiên cứu. Một yếu tố nữa là nghiên cứu của Trần Thọ Đạt đã loại trừ yếu tố chu kỳ kinh doanh khi tính toán tăng trưởng bằng cách ước lượng GDP tiềm năng của nền kinh tế.

Qua so sánh những nghiên cứu sử dụng các phương pháp khác nhau trong tính toán tăng trưởng, ta thấy một vấn đề là kết quả của những phân tích tăng trưởng sẽ khác nhau tùy thuộc vào sự chú quan của nhà nghiên cứu trong việc lựa chọn phương pháp tính toán cũng như cách chọn những chỉ tiêu đo lường cho các biến số trong Mô hình ước lượng.

5 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

5.1 Thực trạng tăng trưởng kinh tế Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2000-2007

Tốc độ tăng trưởng cao của Thành phố Cần Thơ là một thành tựu rất đáng ghi nhận từ những nỗ lực nhằm giải phóng và thu hút các nguồn lực xã hội sau khi trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Với tỷ lệ tăng GDP từ 11,82% đến 16,27%/năm với mức tăng năm sau cao hơn năm trước đã làm cho tổng GDP sau tám năm tăng xấp xỉ 2,5 lần (Bảng 1).

Bảng 1: Mức tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2000 - 2007

Chỉ tiêu	Năm							
	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Giá trị GDP (tỷ đồng)	4.544	5.081	5.688	6.431	7.380	8.546	9.931	11.544
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	-	11,82	11,95	13,06	14,77	15,79	16,2	16,27

Nguồn: Niên giám thống kê Thành phố Cần Thơ 2005 và 2007

Phân tích tăng trưởng theo giá trị gia tăng của từng khu vực kinh tế cho thấy mức tăng của Khu vực I đã giảm dần trong khi hai Khu vực kinh tế còn lại vẫn duy trì mức tăng trưởng cao khá ấn tượng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng của Khu vực III vẫn còn thấp hơn nhiều so với Khu vực II. Điều này cho thấy Thành phố cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để duy trì sự tăng trưởng với khu vực dịch vụ và khu vực sản

xuất công nghiệp lần lượt đóng vai trò quan trọng trong xu thế tăng trưởng dài hạn của mình (Bảng 2).

Bảng 2: Mức tăng trưởng theo giá trị gia tăng của các ngành kinh tế giai đoạn 2000-2007

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Khu vực I								
Giá trị gia tăng (tỷ đồng)	1.149,2	1.238,5	1.389,3	1.443,5	1.566,7	1.699,2	1.719,9	1.801,3
Tốc độ tăng trưởng (%)	-	7,77	12,18	3,90	8,53	8,46	1,22	4,73
Khu vực II								
Giá trị gia tăng (tỷ đồng)	3.470,3	4.397,6	4.776,5	5.441,6	6.662,2	8.169,9	9.905,4	12.949
Tốc độ tăng trưởng (%)	-	26,72	8,62	13,92	22,43	22,63	21,24	30,73
Khu vực III								
Giá trị gia tăng (tỷ đồng)	2.086,7	2.287,0	2.528,0	2.958,1	3.390,8	3.919,1	4.715,0	5.501,4
Tốc độ tăng trưởng (%)	-	10,54	17,01	14,63	15,58	20,30	16,68	14,19

Nguồn: Niên giám thống kê Thành phố Cần Thơ 2005 và 2007.

Nhìn chung, bên cạnh khu vực nông nghiệp phát triển chậm, khu vực công nghiệp tuy phát triển nhanh nhưng hầu hết các cơ sở sản xuất có qui mô nhỏ bé, công nghệ chưa được cải tiến, chưa phát huy hết lợi thế tiềm năng, thế mạnh do điều kiện giao thông chưa thuận lợi, và khả năng thu hút đầu tư còn thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm, tuy tỷ trọng đóng góp của nông nghiệp giảm và tỷ trọng của công nghiệp tăng trong tổng giá trị gia tăng nhưng sự tăng trưởng của ngành dịch vụ là chưa rõ ràng và còn không ổn định. Ngoài ra, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng đóng góp của khu vực nhà nước, tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực ngoài quốc doanh, và tỷ trọng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn thấp.

5.2 Tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ từ góc độ phân tích TFP

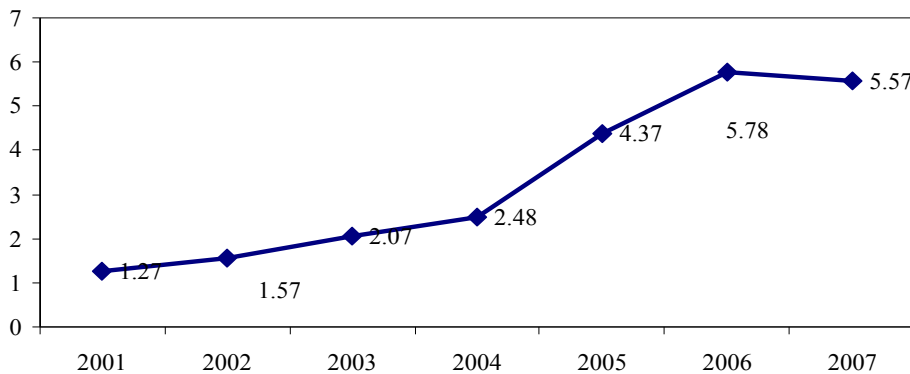
Trong giai đoạn 2000-2007 mức tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ luôn được duy trì ở mức cao từ 11,8% đến 16,2%/năm. Mức tăng trưởng của K luôn ở mức cao hơn nhiều so với mức tăng của L. Tuy nhiên, có sự biến động lớn về tốc độ tăng của hai yếu tố sản xuất giữa hai giai đoạn trước và sau khi tách tỉnh. Cụ thể là, tốc độ tăng của K trung bình cao hơn gấp 16,3 lần so với tốc độ tăng của L trong giai đoạn 2001-2003, và khoảng cách này đã giảm còn 6 lần trong giai đoạn 2004-2007. Phân tích này cho thấy vai trò rất lớn của yếu tố sản xuất K đối với kinh tế Thành phố Cần Thơ. Kết quả đóng góp của vốn (K), lao động (L), và năng suất các yếu tố (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2000 – 2007 được trình bày ở bảng 3. Nhìn chung, đóng góp của K vào sự tăng trưởng GDP là rất lớn, đặc biệt trong giai đoạn 2001-2003. Trong giai đoạn này, mức đóng góp của K là yếu tố quan trọng nhất trong khi yếu L chỉ đóng phần rất nhỏ, và thậm chí TFP không đóng góp gì cả cho tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, tình hình đã thay đổi nhanh chóng trong giai đoạn 2004-2007. Đóng góp của yếu tố TFP đã lấn át K và trở thành động lực quan trọng cho sự tăng trưởng ấn tượng của GDP trong giai đoạn này.

Bảng 3: Đóng góp của vốn và lao động và tổng năng suất yếu tố (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2000 – 2007

Năm	Tốc độ tăng của GDP	Tốc độ tăng của L	Tốc độ tăng của K	Tỷ phần thu nhập của K ^a	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của K	Đóng góp của L	Đóng góp của TFP
Tính theo từng năm								
2001	0,118	0,026	0,454	0,453	-0,102	1,741	0,119	-0,860
2002	0,119	0,017	0,320	0,441	-0,031	1,182	0,079	-0,261
2003	0,131	0,015	0,247	0,433	0,015	0,817	0,067	0,116
2004	0,148	0,020	0,201	0,444	0,047	0,604	0,074	0,321
2005	0,158	0,020	0,171	0,446	0,071	0,481	0,070	0,448
2006	0,162	0,025	0,149	0,452	0,081	0,415	0,084	0,501
2007	0,162	0,022	0,133	0,457	0,090	0,373	0,073	0,554
Tính theo giai đoạn								
2001-2003	0,1227	0,0192	0,3133	0,4460	-0,0277	1,138	0,086	-0,225
2004-2007	0,1608	0,0223	0,1338	0,4498	0,0884	0,374	0,076	0,549

^a Tỷ phần thu nhập của K được sử dụng từ số liệu trung bình của cả nước.

Phân tích tập trung vào giai đoạn 2004-2007, giai đoạn đánh dấu sự thay đổi sâu sắc cơ cấu kinh tế của một thành phố trực thuộc trung ương mới hình thành. Phân tích này cho thấy chất lượng tăng trưởng, biểu hiện ở mức độ đóng góp của TFP, của TP Cần Thơ ngày càng tăng lên. Trong khi đó, đóng góp của K đã giảm mặc dù một lượng K rất lớn đã được đầu tư để chuẩn bị cho một Thành phố Cần Thơ có vai trò đầu tàu cho cả vùng kinh tế năng động ĐBSCL. Điều này có thể được giải thích như là sự kém hiệu quả của quá trình đầu tư. Mặc dù đầu tư nhiều (được biểu hiện qua lượng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn luôn tăng trưởng ở mức cao) nhưng trữ lượng vốn thực sự đưa vào sản xuất để tạo ra hàng hóa, dịch vụ đã không tăng tương xứng với lượng vốn đầu tư phát triển trên. Một trong những minh chứng là chỉ số ICOR của Thành phố Cần Thơ liên tục tăng (Hình 1).



Hình 1: Chỉ số ICOR của Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2001-2007

Để thấy rõ việc chia tách tỉnh ảnh hưởng đến nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế của Thành phố Cần Thơ như thế nào, phân tích tăng trưởng được tiếp tục cho giai đoạn 1991 – 2000 (Bảng 4). Nhìn chung, trong suốt thời kỳ này tốc độ tăng trưởng của TFP là rất thấp. Ngoại trừ giai đoạn 1998 – 2000 TFP có mức tăng trưởng dương, các năm còn lại đều không tăng trưởng. Điều này có thể là do ở giai đoạn trên nền kinh tế của tỉnh Cần Thơ (cũ) chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, hàm lượng công nghệ trong quá trình sản xuất còn rất hạn chế, trình độ quản lý chưa cao,... Đây cũng là thực trạng chung của cả nền kinh tế Việt Nam thời kỳ sau đổi mới. Chính vì vậy, để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bền vững cần chú trọng nhiều đến hiệu quả hoạt động của nền kinh tế; hay nói cách khác là tìm cách tăng mức độ đóng góp của TFP.

Bảng 4: Đóng góp của vốn và lao động và tổng năng suất nhân tố (TFP) vào tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của tỉnh Cần Thơ (cũ) giai đoạn 1990 – 2000

Năm	Tốc độ tăng của GDP	Tốc độ tăng của L	Tốc độ tăng của K	Tỷ phần thu nhập của K ^a	Tốc độ tăng của TFP	Đóng góp của K	Đóng góp của L	Đóng góp của TFP
1991-1993	0,0888	0,0341	0,8664	0,4050	-0,2824	3,9515	0,2285	-3,1800
1994-1997	0,1112	0,0359	0,5980	0,4295	-0,1661	2,3097	0,1842	-1,4939
1998-2000	0,0681	0,0101	0,1116	0,4496	0,0124	0,7368	0,0816	0,1816
1991-2000	0,1002	0,0293	0,4247	0,4282	-0,0984	1,8149	0,1672	-0,9821

^a Tỷ phần thu nhập của K được sử dụng từ số liệu trung bình của cả nước.

5.3 Một số vấn đề đối với tăng trưởng dài hạn của Thành phố Cần Thơ

5.3.1 Đầu tư cho tài sản vốn

Tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực kinh tế nhà nước cao hơn nhiều so với khu vực kinh tế tư nhân trong giai đoạn 2000 – 2003. Từ năm 2004 tình hình thay đổi theo chiều hướng ngược lại. Trong khi đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn đầu tư phát triển. Tuy nhiên, các phân tích trên chỉ mới phản ánh được dòng vốn được phân bổ như thế nào cho các thành phần kinh tế mà chưa đề cập đến quá trình đầu tư tích lũy tài sản vốn. Việc đầu tư để hình thành tài sản vốn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất là hiệu quả đầu tư.

5.3.2 Phân bổ nguồn lực lao động

Hiện nay cơ cấu việc làm phân theo ngành kinh tế cho thấy tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông, lâm, thủy sản chiếm cao nhất, kế đến là nhóm ngành dịch vụ và chiếm tỷ trọng thấp nhất là nhóm ngành xây dựng và công nghiệp. Mặc dù trong giai đoạn 2000-2007 đã có sự chuyển dịch lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động làm việc trong các khu vực khác nhưng sự chuyển dịch này diễn ra rất chậm.

5.3.3 Đầu tư phát triển giáo dục

Đầu tư vào vốn con người thông qua phát triển giáo dục sẽ góp phần gia tăng TFP¹. Thành phố Cần Thơ cần phải làm nhiều hơn nữa trong sự nghiệp phát triển

¹ Xem tính chất của loại vốn này trong các mô hình tăng trưởng kinh tế

giáo dục nhằm tạo ra một lớp người mới có năng suất lao động và trình độ lao động đáp ứng được những nhu cầu phát triển kinh tế trong tương lai.

5.3.4 Tiến bộ kỹ thuật và hiệu quả sử dụng công nghệ

Tiến bộ công nghệ là yếu tố cần thiết để làm tăng tăng chất lượng của tăng trưởng kinh tế. Đây là yếu tố chính phản ánh giá trị TFP. Tiến bộ công nghệ sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng các loại tài sản vốn và qua đó làm tăng năng suất lao động. Cần phải không ngừng đầu tư vào khoa học công nghệ để duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng TFP. Hiện nay đầu tư cho khoa học công nghệ còn tồn tại nhiều hạn chế. Đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển nên được xem là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong thời gian tới.

6 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1 Kết luận

Thành phố Cần Thơ đã duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao trong nhiều năm. Tăng trưởng của các ngành kinh tế và của các khu vực kinh tế có sở hữu khác nhau diễn ra theo xu hướng chung của cả nước. Xu hướng chuyển dịch kinh tế theo ngành kinh tế là giảm tỷ trọng đóng góp của ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp và xây dựng. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này diễn ra chậm và thiếu tính bền vững. Xu hướng chuyển dịch kinh tế phân theo các khu vực kinh tế có sở hữu khác nhau chứng kiến sự giảm sút tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước và tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân.

Động lực chính trong tăng trưởng GDP của Thành phố Cần Thơ trong giai đoạn trước năm 2004 là yếu tố vốn; trong khi đó, đóng góp của lao động cho tăng trưởng là rất thấp, và hầu như yếu tố TFP không có đóng góp cho tăng trưởng trong thời kỳ này. Tuy nhiên, từ năm 2004 thì mẫu tăng trưởng của Thành phố Cần Thơ đã chứng kiến vai trò ngày càng cao của yếu tố tổng năng suất yếu tố (TFP) và đóng góp của vốn (K) ngày càng giảm đi.

6.2 Kiến nghị

Xây dựng quy hoạch tổng thể thành phố rõ ràng tránh tình trạng đầu tư sai quy hoạch. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư công tránh.

Rà soát, đánh giá lại các chính sách ưu đãi đầu tư và tác động của chúng nhằm tăng tính thực thi của các chính sách này.

Đảm bảo hiệu quả đầu tư của các dự án thực hiện từ nguồn vốn vay, viện trợ bởi đây là “món nợ” mà chính người dân phải trả nếu hiệu quả thực hiện những dự án này không đảm bảo.

Cần có những chính sách hỗ trợ cho các tổ chức có ý định đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cục Thống kê Thành phố Cần Thơ (2008). Niên giám thống kê Thành phố Cần Thơ 2007. Xi nghiệp in Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.
- Cù Chí Lợi (2008). Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế (số 336), Trang 3-9.
- Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh (2006). Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 15 năm (1991 – 2005): từ góc độ phân tích đóng góp của các yếu tố sản xuất. NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- Nguyễn Xuân Thành (2003). Kinh tế phát triển ở Đông Á và Đông Nam Á. Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright.
- Nguyễn Thị Cành (2009). Kinh tế Việt Nam qua các chỉ số phát triển và những tác động của quá trình hội nhập”. Tạp chí Phát triển kinh tế. Trang 11-17.
- Trần Thọ Đạt (2005). Các mô hình tăng trưởng kinh tế. NXB Thống kê.